

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15/6/2023

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C L – TỈNH K H**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vi
- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Kim Liên
2/ Ông Lê Quý Hùng
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoa Kim Cúc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C L
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C L tham gia phiên tòa: ông Bùi Văn Hùng – Kiểm sát viên

Ngày 15/6/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C L, tỉnh K H xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 20/02/2023 về “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Ngọc Đ – Sinh năm: 1981; Địa chỉ: Thôn Lam Sơn, xã Cam Thành Bắc, huyện C L, tỉnh K H. (Có đơn xét xử vắng mặt)
- Bị đơn: Ông Trịnh Minh D – Sinh năm: 1980; Địa chỉ: Thôn Lam Sơn, xã Cam Thành Bắc, huyện C L, tỉnh K H. (Có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/12/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc Đ trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Bà Điềm và ông Dũng tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Cam Thành Bắc, huyện Cam Ranh (nay là huyện C L) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyền số 01/2005, ngày 15/6/2005.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên kinh cãi, không ai quan tâm đến ai từ năm 2019 đến nay. Nay bà Điềm nhận thấy không còn tình cảm với ông Dũng nên bà Điềm yêu cầu được ly hôn với ông Dũng.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà Điềm và ông Dũng có 01 con chung là cháu Trịnh Minh Khải - sinh ngày 20/3/2007. Khi ly hôn bà Điềm yêu cầu được

quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà Diễm không yêu cầu ông Dũng cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung khi ly hôn và nợ chung: Bà Diễm không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2023, bị đơn ông Trịnh Minh D trình bày:

Ông Dũng thống nhất với lời trình bày của bà Diễm về thời điểm kết hôn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng vẫn chung sống bình thường, không xảy ra mâu thuẫn gì lớn mà dẫn đến việc ly hôn. Ông Dũng vẫn còn tình cảm với bà Diễm, muốn vợ chồng hòa giải, hàn gắn với nhau để cùng nhau nuôi dưỡng con chung. Nay bà Diễm yêu cầu ly hôn với ông thì ông không đồng ý.

Về con chung: ông Dũng và bà Diễm có 01 con chung, do ông không đồng ý ly hôn nên ông không yêu cầu giải quyết về con chung. Trường hợp Tòa vẫn giải quyết ly hôn cho bà Diễm thì ông Dũng yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định chung, con muốn sống với ai thì theo ý kiến của cháu.

Về chia tài sản chung khi ly hôn và nợ chung: ông Dũng không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C L, tỉnh K H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Đặng Thị Ngọc Đ được ly hôn với ông Trịnh Minh D; về con chung: giao con chung là cháu Trịnh Minh Khải - sinh ngày 20/3/2007 cho bà Diễm trực tiếp nuôi dưỡng, bà Diễm không yêu cầu ông Dũng cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: bà Diễm và ông Dũng không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; về án phí: bà Diễm phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về ly hôn giữa bà Đặng Thị Ngọc Đ và ông Trịnh Minh D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ngày 23/5/2023, nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc Đ và bị đơn ông Trịnh Minh D có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, xét xử sơ thẩm. Do vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn và vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu ly hôn: Bà Đặng Thị Ngọc Đ và ông Trịnh Minh D tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Cam Thành Bắc, huyện Cam Ranh (nay là huyện C L) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 60, quyển số 01/2005, ngày 15/6/2005; đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống giữa bà Diễm và ông Dũng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên không thực sự hiểu, thông cảm và chia sẻ cho nhau, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Ông Dũng cho rằng cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, ông vẫn còn thương vợ thương con, ông muốn vợ chồng hàn gắn lại với nhau để cùng nuôi dưỡng con chung nên ông không đồng ý ly hôn nhưng ông Dũng không đề ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và ông Dũng cũng có đơn xin Tòa án không tiến hành hòa giải, vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và xét xử sơ thẩm. Điều đó chứng tỏ ông Dũng không có thiện chí để nói lại tình cảm và đoàn tụ cùng với bà Diễm.

[4] Xét tình trạng hôn nhân giữa bà Diễm và ông Dũng không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng Thị Ngọc Đ được ly hôn với ông Trịnh Minh D.

[5] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà Diễm và ông Dũng có 01 con chung là Trịnh Minh Khải - sinh ngày 20/3/2007. Hiện nay con chung đang sống với bà Diễm, cuộc sống đã ổn định, bà Diễm yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu ông Dũng cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án ông Dũng không yêu cầu giải quyết về con chung, con chung muốn sống với ai thì theo ý kiến của cháu. Mặt khác, tại Giấy nguyện vọng ngày 23/5/2023, cháu Trịnh Minh Khải có nguyện vọng được sống với bà Diễm. Vì vậy, yêu cầu của bà Diễm là có căn cứ, phù hợp với thực tế và nguyện vọng của cháu Khải nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về chia tài sản chung khi ly hôn và nợ chung: Bà Diễm và ông Dũng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Bà Đặng Thị Ngọc Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Ngọc Đ được ly hôn với ông Trịnh Minh D.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

Giao con chung là cháu Trịnh Minh Khải - sinh ngày 20/3/2007 cho bà Đặng Thị Ngọc Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn.

Ông Trịnh Minh D không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản chung khi ly hôn và nợ chung: Không xem xét về phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, nếu sau này các đương sự trong vụ án có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Bà Đặng Thị Ngọc Đ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0009512 ngày 15/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C L. Bà Diễm đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh K H;
- VKSND tỉnh K H;
- VKSND huyện C L;
- Chi cục THADS huyện C L;
- UBND xã Cam Thành Bắc (GCNKH số 60 ngày 15/6/2005);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Vi

TÒA **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

